

## QUYỀN 65

Hỏi: Hễ thấy năng sở thì tâm cảnh rõ ràng, làm thế nào phân biệt sự thấy biết của bậc Thánh ?

Đáp: Cùng soi có không, chẳng trụ trong ngoài, như hang vắng vọng tiếng mà tuyệt lự, gương sáng soi bóng mà vô tâm, lặng lẽ tròn sáng tịch mà thường chiếu cho nên nói là thường ở trong chính niệm, cũng gọi là chính tri, chẳng phải là hữu niệm hữu tri, cũng chẳng phải vô niệm vô tri. Hữu vô là vọng tưởng, chẳng phải chính tri; chỉ vô niệm mà chiếu mới gọi là chính tri. Nếu chỉ vô niệm thì tịch mà mất chiếu; nếu chỉ chiếu thể thì chiếu mà mất tịch đều là bất chính, chính ở nơi song hành.

*Hoàn Nguyên Tập* ghi: “Bậc Thánh có hai thứ dụng tâm: một là chẳng thấy tất cả vật đều không, chỉ thấy nơi không mà chẳng thấy tất cả vật; hai là thấy tất cả vật đều không, thấy tất cả đều có mà chẳng trụ nơi có, thấy tất cả đều không mà chẳng trụ nơi không. Cùng chiếu hữu vô phân biệt rõ ràng mà không động niệm như gương sáng thấy các sắc tượng hiện rõ trong đó, dụng tâm cũng thế, nhận được diệu tính liền khởi chiếu soi thấy tất cả, biết rõ mà không chỗ biết, thấy rõ mà không chỗ thấy; không bỏ cái thấy thông thường mà nhận ra tính thấy; đã thường không gián đoạn, rõ ràng soi thấu mười phương trong sạch không tỳ vết, trong ngoài tròn sáng bao trùm pháp giới, cũng gọi là con mắt không chướng ngại của Tỳ-lô-giá-na, tròn đầy mười phương soi thấy tất cả cõi Phật, chính là nghĩa này. Do đó người đạt đạo thấy nghe chẳng rơi vào năng sở; đã chẳng phải có thấy cũng chẳng phải không thấy, chỉ cần chẳng sinh hai tướng, thường hợp chân không. Thế nên toàn sắc là mắt, thường thấy sắc mà không duyên; toàn mắt là sắc, luôn thấy mà vô ngã. Vì sắc là cảnh sở duyên, mắt là căn năng duyên, nay chính là mắt nên không duyên. Lại mắt là cái ta hay thấy, nay toàn là sắc thì lúc đang thấy là phi ngã, thì sắc tâm không hai, năng sở chẳng khác. Do đó *Tịnh Ảnh* có bài tụng:

*Pháp tính chẳng cùng chân*

### *Thánh hiền không đạo khác.*

Cho nên *kinh Đại Tập* nói Tuệ đặng tam-muội chính là các pháp không có hai tướng. Không hai tướng là chẳng nơi hữu vô, chẳng ngoài hữu vô. Hữu vô là do mê tình chấp trước nên hữu vô đều mất lý. Nếu không mê lầm chấp trước thì hữu vô đều chân, cho nên biết các pháp chẳng phải thật, chẳng phải giả, chẳng phải không, chẳng phải có. Nếu không nơi có thì chẳng thành không; nếu không nơi không thì chẳng thành có. Có không xen suốt vạn vật dung thông.

Lại y cứ Thánh nhân chứng cảnh thấy nghe có bốn thứ do đó *kinh Đại Niết-bàn* nói: “Theo Phật diệu chứng có bốn thứ văn (nghe): 1- bất văn văn, 2- bất văn bất văn, 3- văn bất văn, 4- văn văn”.

*Thiên thai giáo* giải thích: Đầu tiên nhập đạo, từ chối tu đạo, vô sở hữu gọi là bất văn; chân minh rộng mở không nơi nào chẳng chiếu tức là văn, nên gọi là bất văn văn; chứng đắc đại bát niết-bàn như thế, không có tướng văn nên gọi là văn bất văn; tịch mà thường chiếu, tùy gõ mà ứng tiếng gọi là văn văn. Câu thứ nhất chứng trí, câu thứ hai chứng lý, câu thứ ba chứng đoạn, câu thứ tư chứng ứng. Hoặc sự hoặc lý, trí đoạn tự tha, ban đầu trí chứng đầy đủ không sót, đây là một biên niết-bàn được diệu chứng hoàn toàn.

Lại nữa, bất văn văn là chứng liễu nhân, văn bất văn là chứng duyên nhân, bất văn bất văn là chứng chính nhân, văn văn là chứng cảnh giới (...); cho đến thuyết minh bốn thứ: sinh sinh, sinh bất sinh, bất sinh sinh, bất sinh bất sinh; đây cũng đồng nghĩa với bốn thứ văn: 1- sinh sinh là pháp do nhân duyên sinh; 2- sinh bất sinh là ta nói chính là không; 3- bất sinh sinh là cũng gọi là giả danh; 4- bất sinh bất sinh cũng gọi là nghĩa trung đạo. Nếu hay hiểu thấu vô sinh của bốn thứ sinh này mới đạt được cảnh thấy nghe của Thánh nhân. Thế nên chẳng thủ chẳng xả thì đạt được cội nguồn của nhất đạo; chẳng có chẳng không thì thấy lẽ thật của các pháp”.

Triệu Luận nói: “Có tâm phàm phu là vì nó có có; vì có tự chẳng có nên tâm Thánh chẳng có; có chẳng có nên có không có; có không có nên không không; không không nên tâm thánh chẳng có chẳng không; chẳng có chẳng không nên thần rỗng. Vì sao ? Có không là bóng, là vang của tâm; ngôn ngữ hình tượng là chỗ bám lấy của bóng, của vang. Có không đã phé thì tâm không còn bóng, vang; bóng, vang đã dứt thì ngôn ngữ hình tượng chẳng thể dò; ngôn ngữ hình tượng chẳng thể dò thì đạo bật mọi lối; đạo bật mọi lối nên hay cùng linh cực số; cùng linh cực số gọi là diệu tận. Đạo diệu tận vốn không nương giá; không nương giá ở nơi sâu kín lạng lẽ, sâu kín lạng lẽ nên gọi là hư; diệu tận ở nơi cực số, cực số nên gọi là số. Gọi là số nên động cùng với sự hội hợp; gọi là hư nên đạo siêu việt ngoài tên gọi. Bởi đạo siêu việt ngoài tên gọi nên gọi là không; do động cùng với sự hội hợp nên gọi là có. Gọi là có là theo hữu vi của phàm phu gượng gọi như thế”. Kinh nói: “Thánh tri vô tri mà không nơi nào chẳng biết, vô vi mà không gì chẳng làm, đây là đạo vô tướng tịch nhiên đâu thể nói rằng có mà là có, không mà là không, động mà trái tĩnh, tĩnh mà bỏ dụng.”

Ngày nay bàn luận phần nhiều dùng lời lẽ thâm định ý chỉ, tìm phương lớn để rõ bờ cõi, áp ủ điều đã biết để nêu huyền diệu, giữ gìn những gì cần phải giữ gìn. Thế nên nghe bậc Thánh hữu tri cho rằng có tâm; nghe bậc Thánh vô tri cho là đồng thái hư. Nếu còn cảnh hữu vô biên kiến thì đâu phải là trung đạo bất nhị ? Vì sao ? Vì vạn vật tuy sai biệt nhưng tính vốn thường nhất. Chẳng phải là vật nhưng thấy đều là vật; chấp vật nơi vật thì danh tướng lộ bày; chẳng chấp vật nơi vật thì vật là chân. Thế nên Thánh nhân chẳng chấp vật nơi vật, chẳng chấp phi vật nơi vật. Chẳng chấp vật nơi vật thì vật chẳng có; chẳng chấp phi vật nơi vật thì vật chẳng không. Chẳng có do đó chẳng lấy; chẳng không do đó chẳng bỏ. Chẳng bỏ nên còn cái nhiệm màu là chân; chẳng lấy nên danh tướng không nhân. Danh tướng không nhân nên chẳng phải hữu tri; còn cái nhiệm màu là chân nên chẳng phải vô tri. Cho nên kinh nói: “Đối với các

pháp, Bát-nhã không lấy, không bỏ, không biết, không gì chẳng biết”. Cảnh giới đã bật, tâm vượt ngoài phan duyên sao lại định lấy hữu vô để cật vấn thì chẳng phải viển vông chăng ?

Giải thích: Hễ nói hữu, nói vô là bóng, là vang của tâm đâu phải là chân thật ? Nếu có thể tận cùng cội nguồn của linh trí, cùng tốt ngọn ngành của tâm số thì có thể thấu suốt đạo màu, tự nhiên chân tâm không nương gá chẳng thuộc hữu vô. Chẳng phải hữu nên gọi là hư, chẳng phải vô nên gọi là số. Nhưng đây vẫn là gương nói nên Thánh trí vô tâm nơi bí thử, vì thế nói rằng: “Thánh nhân chẳng chấp vật nơi vật, chẳng chấp phi vật nơi vật”.

Chẳng chấp vật nơi vật nên danh tướng không nhân, nghĩa là bởi chẳng nắm lấy các pháp, không có pháp theo tình thì danh tướng không nhân để khởi.

Chẳng chấp phi vật nơi vật nên còn cái nhiệm màu là chân, nghĩa là bởi chẳng bỏ các pháp, không có pháp để bỏ thì thấy thật tính của các pháp, lặng lẽ thường trụ, diệu thể hằng chân. Bát-nhã chân thật sâu xa này đâu thể dùng lời để thẩm định, tùy ý xét nét; không phải chỗ hữu, vô, phi hữu, phi vô đến được; cho nên nói cảnh giới đã bật, tâm vượt ngoài phan duyên sao lại định đem hữu vô để cật vấn thì chẳng phải viển vông chăng ? Cần phải diệu chứng thì tự nhiên sáng tỏ.

Hỏi: Làm thế nào khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật ?

Đáp: Nếu phối hợp văn cú sơ của Thiên Thai giáo với bốn ngôi vị trong viên giáo thì khai là Thập trụ, thị là Thập hạnh, ngộ là Thập hồi hướng, nhập là Thập địa.

*Hoa Nghiêm Ký* giải thích đại ý: nghĩa là khai trừ hoặc chướng, hiển bày chân lý khiến ngộ thể không, chứng nhập tâm thể. Theo hai tông Nam Bắc của thiền môn giải thích:

- Bắc tông nói: Trí dụng là tri, tuệ dụng là kiến; tâm chẳng khởi gọi là trí, trí hay biết nắm căn chẳng động là tuệ; tuệ hay thấy biết là tri kiến Phật. Tâm chẳng động là khai, khai là mở bày môn

phương tiện; sắc chẳng động là thị, thị là hiển bày tướng chân thật; ngộ là vọng niệm chẳng sinh; nhập là muôn cảnh thường tịch.

- Nam tông nói: Bị vọng ngăn cách chúng sinh chẳng thấy được Phật trí, chỉ cần được vô niệm thì tự tính xưa nay lặng lẽ là khai; trên thể lặng lẽ ấy tự có bản trí do bản trí hay thấy tự tính bản lai lặng lẽ là thị; đã được chỉ dạy liền thấy bản tính, Phật và chúng sinh xưa nay không khác là ngộ; sau khi ngộ đối với tất cả hữu vi, vô vi, có Phật, không Phật, thường thấy bản tính, tự biết vọng tướng vô tính, tự giác Thánh trí, thế nên Bồ-tát truyền trao nhau sở tri của Phật là nghĩa nhập.

*Kinh Hải Long Vương* ghi: “Tâm chẳng trụ bên trong, cũng chẳng chạy theo bên ngoài; biết không cho trụ vượt qua tất cả đọa lạc điên đảo, cho đến thấy các pháp tịch mặc, các pháp lặng lẽ không đến không đi, các pháp an tĩnh không chỗ thành trụ, thấy hết các pháp thấy đều như thế. Thấy như thế gọi là thấy pháp. Thấy pháp như thế là chẳng thấy chỗ quy hướng của các pháp. Nói có thấy pháp mà chẳng thấy là chẳng đem sự thấy pháp mà thành thấy, không cầu, không hiểu, chẳng biết, chẳng thấy gọi là thấy pháp”.

*Kinh Pháp Hoa* nói: “Chẳng được các pháp, chẳng biết, chẳng thấy cũng chẳng phân biệt là nam, là nữ”. Người xưa nói: “Cũng không thấy, cũng không nghe, không thấy không nghe là thấy nghe chân thật. Pháp sư Tăng Triệu nói: “Đẹp bỏ sự hiểu biết thông minh, chỉ âm thầm giác ngộ”. Như vậy thì im lặng khế hội, tịch tĩnh biết rõ, đều bao gồm Tông Cảnh. Do đó *kinh Thủ Lăng Nghiêm* ghi: “Phật bảo A-nan: Ta lại hỏi ông: những người thế gian nói tôi thấy được, thế nào họ gọi là thấy, thế nào họ gọi là không thấy ?

A-nan thưa: Người đời nhân ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và đèn thấy các hình tướng thì gọi là thấy; còn nếu không có ba thứ ánh sáng ấy thì không thể thấy được.

- A-nan, nếu khi không sáng mà gọi là không thấy thì lẽ ra không thấy được tôi; nếu đã thấy được tôi thì khi đó chỉ là không

sáng, chứ đâu phải là không thấy. A-nan, nếu lúc tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy, vậy nay trong lúc sáng không thấy cái tối thì cũng phải gọi là không thấy; như vậy thì cả hai lúc sáng tối cũng đều gọi là không thấy. Còn nếu như hai cái sáng và tối tự lẫn át nhau, không phải trong đó tính thấy của ông tạm thời không có. Như vậy cả hai lúc đều gọi là thấy, sao lại gọi là chẳng thấy ? A-nan, vì thế ông nên biết trong lúc thấy sáng, cái thấy chẳng phải là cái sáng; trong lúc thấy tối, cái thấy chẳng phải là cái tối. Trong lúc thấy thông suốt, cái thấy chẳng phải là thông suốt; trong lúc thấy ngăn bít, cái thấy chẳng phải là ngăn bít.

Bốn nghĩa đó đã thành lập, ông lại nên biết: Khi nhận biết tính thấy thì tính thấy chẳng phải là cái thấy. Tính thấy còn là cả cái thấy và cái thấy không thể đến nơi tính thấy được, tại sao ông còn nói đến những nhân duyên, tự nhiên và tướng hòa hợp ?”

Hỏi: Thánh nhân thấy thật tướng của diệu sắc, có thấy mê tình chẳng ?

Đáp: Chỉ thấy cái chẳng thật, chẳng thấy cái thật của chẳng thật, như thấy cây trụi là kẻ trộm mà chẳng thấy cây trụi, như một lý chân không thấy thành hai đế. Những điều người thế tục biết gọi là thế tục đế; những gì bậc xuất thế biết gọi là đệ nhất nghĩa đế. Sự hiểu biết ấy chưa hẳn sai biệt quá xa, cảnh nhận biết ấy đều từ tâm hiện. Như mắt bệnh thấy mình châu mờ tối, người mắt sáng thấy hạt ngọc không tỳ vết. Tự mình thấy có đẹp xấu sai khác, nhưng thể hạt châu trước sau chỉ là một.

Hỏi: Chúng sinh chẳng thấy thật sắc, những gì thấy đều là hư vọng chẳng ?

Đáp: Tuy không thật nhưng cũng chẳng thành vọng, như thấy cây trụi là kẻ trộm; làm gì có trộm, vì không thật thể. Vì thế *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

*Nếu biết rõ tà pháp*

*Như thật chẳng điên đảo*

*Biết vọng vốn tự chân*

### *Thấy Phật liền thanh tịnh.*

*Luận Khởi Tín* nói: “Tuy có tâm nhiễm ô mà thường hằng bất biến”. Hòa thượng Pháp Tạng nói: “Chúng sinh thấy sai biệt mà chẳng vọng do đó từ phàm mong cầu Phật địa; nếu thấy sai biệt là vọng thì hoàn toàn chẳng từ phàm hướng đến Phật địa. Vì sao? Chúng sinh giới là Phật giới, Phật giới là chúng sinh giới. Thế nên từ phàm nhập Thánh, từ Thánh hiện phàm, tên gọi sai biệt một thể chẳng động. Tông Cảnh Lục chỉ bàn về nhất thật, như kinh Pháp Hoa lấy thật tướng làm thể. Một chữ này, tuy bao trùm vạn pháp vì là thể tính của nó. Luận tổng quát về tông chỉ thì chẳng lược bỏ chân ngụy. Nếu đem kiến giải trí chúng để luận thì phải phân hơn kém, vì tình còn thủ xả thì trí có cạn sâu”. *Pháp Hoa Huyền Nghĩa* nói: “Chính thể rất nhiệm màu đến một lần khó biết, tên gọi là tiểu làm rối loạn chính đại, như mắt cá lẫn lộn viên minh châu, cho nên cần phải lược bỏ ngụy, tức là sáu ý: 1- Theo phàm giả, 2- Theo ngoại giả, 3- Theo tiểu giả, 4- Theo thiên giả, 5- Theo trí giả, 6- Theo ngộ giả”.

1- Theo phàm giả: Thích Luận ghi: Sách thế gian cũng gọi thật là gìn giữ đất nước, lo việc nhà cũng cho là thật; ngoại đạo cũng cho là thật, tà trí tịch giải cho là thật; Tiểu thừa cho là thật, nhằm chán khổ đau mệt nhọc nghỉ ngơi chỉ nghiêng về chân cho là thật. Những thứ này chỉ có thật danh mà không có thật nghĩa, tại sao đạo thuật tà mị ở thế gian cũng cho là thật, phần nhiều là pháp quyến rũ của quỷ thần. Pháp này vào tâm làm mê say cuồng loạn, tự khoe mình tốt đẹp, cho là chân thật hơn hết, lập dị động chúng, bày ra những hình tướng kì dị như đầu lâu đầy phân, khoe khoang lớn tiếng trước mặt mọi người; hoặc ăn nuốt cá sống; hoặc áo rách lỗa thể xem thường quy củ; hoặc chỉ đến chỉ đi không hỏi không đáp, bày các trò quỷ quyết huyền hoặc dụ dỗ kẻ vô trí khiến họ tin rồi mê mẩn. Đã cầu giải thoát không được, trong thì bệnh hoạn hại thân, ngoài thì phá nhà diệt tộc, tai họa đến cả xóm làng, hiện tại chịu nhiều khốn khổ, sau đó thọ khổ địa ngục mãi mãi, đời đời

chương đạo không có kỳ hạn giải thoát. Đây là thế gian hiện thấy chứ làm gì có thật để nói, nó thuộc về ái luận độn sử. Những sách vở của Khổng Tử, Chu Tử như trị pháp, lễ pháp, binh pháp, y pháp; sách vở thế gian như thiên văn, địa lý, bát quái, ngũ hành, hiếu để trị gia, trung để trị quốc, đều dạy thương yêu con cái, người thân, kính trên nhường dưới, tuân theo nhân nghĩa, làm trăm họ an vui, xây dựng xã tắc. Nếu không tuân theo pháp này, kẻ mạnh hiếp đáp người yếu, thiên hạ rối ren, dân không nương vào đâu để sống, chim không chỗ đậu, thú không chỗ ẩn. Nếu y theo pháp này, thiên hạ thái bình, trâu ngựa đều quy phục, nên biết pháp này là ái dân trị quốc

*Kinh Kim Quang Minh* nói: “Thích-đề-hoàn-nhân có các thứ thắng luận”, là nghĩa này. Ý nghĩa thập thiện là tu thập thiện phù hợp với lòng trời, được chư thiên hoan hỷ, cầu báo trời pháp này là hơn hết, nên nói là thắng luận. Lại Đại Phạm thiên vương nói dục luận chính là tu định ra khỏi vũng bùn tham dục, cũng thuộc về ái luận. Các loại phương thuật, phục dục, trường sinh, luyện hình, dịch sắc, phi tiên, ẩn hình gọi là dục phương bí yếu chân thật, cũng thuộc về ái luận độn sử.

2- Theo ngoại giản: tức là sách vở ngoại đạo. Nếu uống thuốc cầu sự hiểu biết, thông minh lanh lợi suy tìm đạo lý cho là phương thuốc hay, là thật, nhưng sức thuốc yếu kém, sự hiểu biết không thể xem xét rộng; phạm thuốc thì mất, thuốc hết thì mất cũng chẳng phải thật. Trong đây, Trang Tử, Lão Tử vô vi, vô dục, thiên chân rỗng lặng, dứt sạch khoa trương, dẹp trừ trí tuệ thế gian v.v... chỉ là hư vô. Sự ôm giữ này vẫn không ra ngoài bốn kiến chấp đơn giản liên quan gì đến Thánh pháp, cho dù ra ngoài bốn kiến chấp đơn giản nhưng vẫn còn ở trong bốn kiến chấp phức tạp. Ở trong lưới kiến chấp chẳng phải đạo giải thoát, như Luận Lực nhận sự chiêu mộ của Lê Xương soạn 500 minh nạn. Một người nói Cù-đàm là một đạo cứu cánh hay nhiều đạo cứu cánh ? Phật nói: Chỉ là đạo cứu cánh của một người. Luận Lực nói: Các sư đều nói đạo cứu cánh.

Phật chỉ đầu con hươu, bảo: Ông biết người này chẳng ? Luận Lực thừa: Biết trong đạo cứu cánh nó là bậc nhất. Phật nói: Nếu nó được đạo cứu cánh tại sao tự bỏ đạo mà làm đệ tử của ta ?

Luận Lực liền tỏ ngộ, khen ngợi trong Phật pháp chỉ có một đạo cứu cánh.

Lại như Trường Trảo nói có thể phá tất cả luận, có thể chuyển tất cả lời, quán thật tướng các pháp lâu rồi chưa được một pháp vào tâm. Thích luận nói: “Trường Trảo chấp cũng không thấy”. Lại nói: “Cũng chấp chẳng thể nói thấy”. Trăm nghìn vạn thứ hý luận hư vọng cùng loại như thế bị mê hoặc làm lưu chuyển, lưới kiến chấp mênh mông, tà trí buông lung, xúc cảnh sinh đấm trước; hoặc có lúc chông chát, có vô là có, không hữu là không, cho đến có phi hữu phi vô là có, không phi hữu phi vô là không, trăm nghìn lớp chát chông đều là kiến chấp điên đảo, biên kiến sinh tử chẳng phải chân thật.

*Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Mang gông vô minh, buộc trụ sinh tử quanh quần trong 25 cõi chẳng thể thoát ra được”, là nghĩa này vậy.

3- Theo tiểu giản: Trong pháp Thanh văn cũng nói là hữu vô gọi là trung đạo. *Kinh Đại Tập* nói: “Hiểu biết hẹp hòi như sa-môn ban đầu có tri kiến chân thật, nhưng Tiểu thừa chẳng vận dụng lòng đại bi, chẳng cứu độ chúng sinh, công đức kém mỏng, chẳng cầu thành Phật, chẳng tận cùng thật tướng nên trí tuệ yếu kém. Tuy nói là hữu vô gọi là trung đạo, lại cho chân đế đoạn kiến, thường kiến là trung đạo. Tuệ vô lậu gọi là kiến, chứng pháp niết-bàn gọi là tri: Tuy dứt kiến hoặc, tư hoặc diệt trừ phần đoạn sinh tử nhưng trụ thảo am chẳng phải lý cứu cánh. Đối với sinh tử hữu biên là niết-bàn vô biên, hai thứ đều có thể phá hoại nên chẳng phải đạo chân thật, không gọi là thật tướng.

4- Theo thiên giản: Các kinh Đại thừa và Tiểu thừa đều phương tiện nói, tên gọi tuy đồng nhưng ý nghĩa cần phân biệt. Như trong Ma-ha-diễn nói: “Hàng Tam thừa cùng lấy đạo vô ngôn thuyết

đoạn trừ phiền não”. *Trung Luận* nói: “Có ba hạng người cùng được thật tướng các pháp:

1- Hạng nhị thừa tuy được đạo vô ngôn thuyết, tự cầu thoát khổ, không có tâm đại bi, đắc không liền dừng.

2- Hạng Bồ-tát độn căn cũng thế.

3- Hạng Bồ-tát lợi căn có tâm đại bi, vì chúng sinh tha thiết cầu thật tướng. Nếu chấp thật tướng thì trí như lửa đom đóm, nếu chẳng chấp thật tướng thì trí như ánh sáng mặt trời, vì thể là thật”.

*Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Đệ nhất nghĩa không gọi là trí tuệ; Nhị thừa chỉ được không rộng chẳng có trí tuệ; Bồ-tát được bát đãn không tức là trung đạo tuệ, tuệ này tịch mà thường chiếu; Nhị thừa chỉ được tịch mà chẳng được tịch chiếu nên chẳng phải thật tướng; Bồ-tát được tịch lại được tịch chiếu, tức là thật tướng”.

Kiến bất không có nhiều loại:

1- Kiến bất không lần lượt đoạn kết sử từ cạn đến sâu; đây là thật tương tự, chẳng phải là thật chân chính.

2- Kiến bất không đầy đủ tất cả pháp, chữ A đầu tiên giải thích tất cả nghĩa, tức trung, tức giả, tức không, bất nhất, bất dị, không ba, không một.

Nhị thừa chỉ có một tức, biệt giáo chỉ có hai tức, viên giáo đầy đủ ba tức. Ba tức là tướng chân thật.

*Thích Luận* nói: “Những gì là thật tướng ? Đó là Bồ-tát vào một tướng biết vô lượng tướng, từ vô lượng tướng lại vào một tướng. Nhị thừa chỉ vào một tướng, không biết vô lượng tướng. Biệt giáo tuy vào một tướng lại vào vô lượng tướng, chẳng thể lại vào một tướng. Bồ-tát lợi căn tức không nên vào một tướng, tức giả nên biết vô lượng tướng, tức trung đạo lại vào một tướng. Bồ-tát này tha thiết cầu thật tướng. Trong kinh Hoa Nghiêm Bồ-tát không như Nhị thừa, chỉ y cứ vào thứ lớp được ba trí của Bồ-tát cũng chẳng phải là cái thật chân; chẳng theo thứ lớp được mới là thật chân. Trong kinh Phương Quảng bốn hạng người được ba trí, ba hạng người là hư, một hạng người là thật. Trong Đại Phẩm ba tuệ nói ba trí thuộc ba

hạng người, hai hạng trước chẳng tha thiết cầu, cạn mà chẳng phải thật, một hạng sau tha thiết cầu nhất tâm tam trí nên là thật. Kinh này nói: “Ông mới thật là con ta, không có người thứ ba, thứ tư; tìm kỹ trong mười phương không còn có thừa nào khác, chỉ có một trí thật tướng, quyết liễu pháp Thanh văn; chỉ nói đạo vô thượng thuận là một thật thể”. *Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Nhất thật đế thì không có hữu vô, hữu vô không hai nên gọi là nhất thật đế. Lại nhất thật đế gọi là không hư ngụy, lại nhất thật đế không có điên đảo, lại nhất thật đế chẳng phải ma thuyết, lại nhất thật đế gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Thường lạc ngã tịnh không có không trung giả sai biệt, sai biệt thì là hai, hai nên chẳng phải nhất thật đế. Nhất thật đế tức không, tức giả, tức trung, không hai không khác nên gọi là nhất thật đế. Nếu có ba thứ khác nhau tức là hư ngụy; pháp hư ngụy chẳng gọi là nhất thật đế; vì không có ba thứ sai khác nên gọi là nhất thật đế. Nếu sai khác tức là điên đảo, điên đảo chưa phá thì chẳng phải nhất thật đế. Không có ba thứ sai biệt nên không điên đảo, không điên đảo nên gọi là nhất thật đế.

Khác biệt chẳng gọi là nhất thừa, ba pháp chẳng khác biệt đầy đủ viên mãn gọi là nhất thừa, ngôi nơi cao rộng trang nghiêm các báu nên gọi là nhất thật đế, ma tuy chẳng chứng không giả sai biệt mà có thể thuyết không giả sai biệt. Nếu không giả trung chẳng khác biệt thì ma chẳng thể nói; ma chẳng thể nói gọi là nhất thật đế. Nếu không giả trung khác biệt gọi là điên đảo, chẳng khác biệt gọi là chẳng điên đảo. Chẳng điên đảo nên không phiền não, không phiền não nên gọi là tịnh. Không phiền não thì không nghiệp, không nghiệp nên gọi là ngã. Không nghiệp nên không báo, không báo nên gọi là lạc. Không báo thì không sinh tử, không sinh tử nên gọi là thường. Thường lạc ngã tịnh gọi là nhất thật đế”. Nhất thật đế là thật tướng, thật tướng là chính thể của kinh. Như vậy thật tướng tức không, tức giả, tức trung. Tức giả nên phá cái thật của Tiểu thừa, bốn môn của ba tạng và phá cái thật của Tiểu thừa của ba người cùng thấy. Tức trung nên phá sự tuần tự của thiên thật, không còn

các pháp tứ đế nhân quả của thiên chấp điên đảo của Tiểu thừa, cũng không tên gọi Tam bảo của thiên chấp Tiểu thừa. Chỉ có tứ đế tam bảo nhân quả thật tướng hiển hiện đầy đủ, cũng đầy đủ các tam bảo tứ đế nhân quả phương tiện. Vì sao ? Vì thật tướng là biên pháp giới. Chỉ có ba đế này là tướng chân thật.

Lại mở bày cái chân thật tuần tự, vì viên thật chứng đạo là đồng, Lại mở bày việc ba người cùng được cái chân thật, vì tha thiết cầu đến tận đáy. Lại mở bày ba cái chân thật trong ba tạng, vì quyết liễu pháp Thanh văn. Lại mở bày các kiến luận chân thật, vì ở nơi kiến chẳng động mà tu đạo phẩm. Lại mở bày các ái luận chân thật, vì ma giới là Phật giới nên tu hành phi đạo mà thông đạt Phật đạo. Trong tất cả các pháp đều có tính an ổn, tức là dứt đôi đũa nói về cái chân thật, là thể của kinh.

5. Theo thí giã, nay chỉ mượn ba ví dụ để hiển bày chân nguy và thuyết minh ý nghĩa khai, hợp, phá.

1- Ví như ba con thú cùng qua sông, mỗi con có sức mạnh yếu khác nhau, sông có đáy có bờ. Thỏ, ngựa sức yếu tuy cũng bơi qua đến bờ nhưng chẳng đụng đáy. Voi có sức mạnh nên vừa chạm đáy vừa đến bờ. Ba con thú dụ cho ba người; nước dụ cho tức không, đáy dụ cho bất không. Nhị thừa trí cạn chẳng thể tha thiết cầu nên dụ như thỏ, ngựa; Bồ-tát trí sâu dụ như voi lớn; nước dụ cho không cùng thấy không mà chẳng thấy bất không. Đáy dụ cho thật tướng, Bồ-tát riêng đạt trí tuệ thấy không và bất không. Voi nhỏ chỉ giẫm đáy bùn, voi lớn giẫm đến đất cứng. Biệt trí tuy thấy bất không mà lịch biệt chẳng phải thật; viên trí thấy bất không lại hiển bày chân thật. Những ví dụ này không chỉ lược phá chẳng phải thật của Nhị thừa thỏ ngựa, mà còn lược bỏ bất không phi thật của voi nhỏ, chỉ giữ lấy bất không của voi lớn, là thể của kinh này. Đây là y cứ vào trong cái không cùng là chân đế làm thành sự lược bỏ như đây.

2- Ví như hạt châu pha lê và hạt châu như ý, hình loại giống nhau, nhưng hạt châu pha lê chỉ là không mà chẳng thể tuôn báu, hạt châu như ý vừa không vừa tuôn báu. Pha lê không có báu để dụ

cho thiên không, như ý tuôn báu để dụ cho trung đạo, đây y cứ hữu vô hợp làm tục, bỏ ngụy hiển chân. Thể kinh cũng như hạt châu như ý.

Lại nếu chỉ lấy một hạt châu như ý làm ví dụ thì chỉ được hạt châu mà chẳng biết lực dụng. Người trí được nó phân nhiều có chỗ thu hoạch. Nhị thừa đắc không chứng không rời ngưng nghỉ; Bồ-tát đắc không phương tiện lợi ích rộng độ tất cả, đây y cứ bao gồm trung chân đế, lược bỏ sự đắc thất. Nay kinh như bậc trí giả được hạt châu như ý cho là thể kinh.

3- Ví như vàng trong quặng, người ngu vô trí thấy là đá ném vào phần ướ, đều chẳng nhận được màu sắc kim loại; người mua bán được nó nấu luyện thành vàng cất giữ cẩn thận; thợ kim hoàn được nó chế tác đồ trang sức như trâm, vòng đeo tay... người tu tiên được nó luyện thành kim đan, bay lên trời, chui xuống đất, sờ mó mặt trời, mặt trăng, biến hóa thần thông tự tại. Người ngu dụ cho tất cả phàm phu tuy có đủ thật tướng mà chẳng biết tu tập. Người mua bán dụ cho Nhị thừa chỉ trừ bỏ quặng phiền não, giữ lại thôi vàng “không”, chẳng làm gì nữa. Thợ kim hoàn dụ cho Bồ-tát biệt giáo có phương tiện khéo léo không chẳng phải không, ra khỏi cái giả, giáo hóa chúng sinh, trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sinh. Người tu tiên dụ cho Bồ-tát viên giáo tức sự mà chân, lúc mới phát tâm liền thành chính giác, đắc một thân vô lượng thân khắp ứng tất cả. Nay kinh chỉ lấy thật tướng kim đan làm thể. Y cứ vào sự giống nhau làm ví dụ thì từ đầu đến cuối cùng là vàng, cũng như phàm phu và viên giáo đều là thật tướng. Y cứ vào sự khác nhau làm ví dụ, ban đầu thì đá khác vàng, sau đó vàng khác đồ trang sức, đồ trang sức khác kim đan. Màu sắc kim đan trong suốt giống như dầu trong trẻo diệu hảo, đâu giống vòng đeo tay, hình sắc khác biệt nên chẳng phải một loại. Đây là y cứ vào sự ban cho, đoạt lấy, phá tan, tụ hội để lược bỏ sự đắc thất. Dẫn ra ba dụ:

- Thứ nhất dụ cho căn tính: Căn tính có cạn sâu; cạn thì được không, sâu thì được giả vì được trung.

- Thứ hai dụ cho ba loại tâm lý: Tâm lý ban đầu chỉ muốn ra khỏi khổ đau chẳng có chí cầu Phật đạo, thấy được chân đế liền dừng. Tâm lý thứ hai theo biệt tu chẳng được viên tu. Tâm lý sau cùng cầu pháp giới rộng lớn.

- Thứ ba dụ cho ba phương tiện: Nhị thừa phương tiện thiếu thốn chỉ giữ lấy vàng. Biệt giáo phương tiện yếu kém nên hay sửa sang xây dựng cuộc sống. Viên giáo phương tiện đầy đủ nên có thể gồm thu cả vũ trụ.

Nay nói về thể thật tướng của kinh này như voi lớn giẫm đến đáy sông; chắc chắn không thể hoại để dụ cho thể vi diệu; hạt châu tròn tuôn báu dụ cho dụng vi diệu; xảo trí thành tiên dụ cho tông vi diệu. Ba dụ này chính là ba đức vượt cả thời gian không gian gọi là Đại thừa. Trong Đại thừa riêng chỉ chân tính cho là thể kinh.

6. Theo ngộ giản, pháp tướng chân chính được nói ở trên, nếu thực hành chưa thể hội lý đâu được gọi là đế, luồng nhọc bốn lần nói, chạy theo ngôn ngữ sinh mê muội như nghe nói hạt tằm cho là mịn, nghe nói tuyết cho là lạnh, nghe nói vỏ sò cho là cứng, nghe nói chim học cho là động; hoàn toàn chẳng thể thấy màu sắc chân thật của sữa, lòng mờ tối lại vào ban đêm thì làm thế nào thấy sự thật, chỉ kêu gọi cầu thức ăn thì làm sao no được. Chấp mình là đúng, người khác là sai, đây có kia không, thị phi cùng khởi lại thêm dao động thì làm sao gọi là đế ? Nếu muốn thấy đế cần phải biết tầm quý, nếu gặp khổ đau cần nên sám hối cơ cảm chư Phật, thiên tuệ khai phát, quán tâm minh tịnh, tín giải dung thông. Khi ấy vẫn gọi là trong tối thấy cây trụ lơ mờ chẳng rõ, người, cây, trùng, bụi vẫn chưa rõ ràng. Nếu có thể an nhẫn, pháp ái chẳng sinh, vô minh chợt phá, như gương sáng chẳng động, nước sạch không sóng thì các sắc tượng như con cá, hòn đá tự nhiên hiện rõ. Tâm thanh tịnh thường nhất như bậc Thánh có cái thấy của Bát-nhã, dùng kim vàng lễ mắt thì sẽ thấy một ngón, hai ngón, ba ngón tay phân minh. Khi ấy thấy sắc, nói có cũng đúng, nói không cũng đúng. Thế nào là có ? Sắc đích thực tương ưng với mắt, lý chân

thật tương xứng với trí gọi là có. Thế nào là không ? Không có tướng cứng, lạnh, mịn, động gọi là không.

Luận nói: “Tất cả thật, tất cả phi thật cũng thật cũng chẳng thật, chẳng phải thật chẳng phải chẳng thật, như thế đều gọi là thật tướng của các pháp”. Như Xá-lợi-phất nói: “An trụ trong thật trí nhất định tôi sẽ thành Phật, được trời người kính trọng”. Khi ấy có thể gọi là vĩnh viễn tận diệt vô dư, đây gọi là chân thật thấy thể. Cho nên *kinh Niết-bàn* nói: “Tám vạn Thanh văn trong kinh Pháp Hoa thấy Như Lai tính như thời tiết tự nhiên không còn làm gì nữa”. Y cứ lý vô sở tác, đây là lý cứu cánh; y cứ giáo vô sở tác, nghe giáo này rồi không còn nghe giáo khác; y cứ hạnh vô sở tác, tu hạnh này rồi không còn tu hạnh khác. Những nghĩa vô sở tác như thế, nói đại lược thì tùy trí diệu ngộ thấy được thể kinh; phải dùng tùy trí diệu ngộ ý trải qua các để cảnh từng đoạn có các thứ phân biệt như tùy tình, tùy tình trí, tùy trí; lược bỏ các tình tướng, chỉ giữ lại tùy trí thấy rõ thể kinh.

Hỏi: Theo chính lý duy thức, ngã pháp vốn không, chúng sinh vọng chấp ngã pháp, tâm ấy từ đâu khởi ?

Đáp: Do duyên thức thứ sáu và thứ bảy mà khởi. *Luận Duy Thức* nói: “Vì các tâm và tâm sở nương cái khác khởi nên như huyền sự chẳng phải thật có, vì trừ vọng chấp ngoài tâm và tâm sở thật có cảnh nên nói chỉ có thức”. Nếu chấp duy thức là thật có như chấp có ngoại cảnh, đây cũng là pháp chấp.

Các pháp chấp đại khái có hai thứ: một là câu sinh, hai là phân biệt.

- Câu sinh pháp chấp: Từ vô thủy đến nay do sức nội nhân huân tập hư vọng luôn cùng chung với thân, chẳng đợi tà giáo và tà phân biệt tự nhiên chuyển nên gọi là câu sinh. Câu sinh này có hai loại:

1- Thường tương tục, do thức thứ bảy duyên thức thứ tám khởi lên tướng của tự tâm chấp làm thật pháp.

2- Gián đoạn, do thức thứ sáu duyên tướng uẩn xứ giới do thức biến ra, hoặc tổng, hoặc biệt khởi lên tướng của tự tâm, chấp làm thật pháp.

Hai pháp chấp này vi tế nên khó đoạn, bậc trên Thập Địa luôn tu tập duyên pháp không quán mới có thể trừ diệt.

- Phân biệt pháp chấp: cũng do sức ngoại duyên hiện tại nên chẳng cùng chung với thân, phải đợi tà giáo và tà phân biệt sau đó mới khởi nên gọi là phân biệt, chỉ ở trong ý thức thứ sáu. Đây cũng có hai loại:

1- Duyên lời nói của tà giáo tướng uẩn xứ giới khởi lên tướng của tự tâm, phân biệt tính toán chấp làm thật pháp.

2- Duyên lời nói của tà sư, tướng của tự tính khởi lên tướng của tự tâm rồi phân biệt tính toán chấp làm thật pháp.

Hai pháp chấp này thô nên dễ đoạn, lúc vào Sơ Địa quán tất cả pháp pháp không chân như thì có thể trừ diệt. Như vậy tất cả pháp chấp được nói đến là pháp ngoài tự tâm hoặc có hoặc không, pháp trong tự tâm tất cả đều có, cho nên pháp chấp đều duyên pháp trong tự tâm tất cả đều có, thế nên pháp chấp đều duyên tự pháp do tự tâm hiện ra chấp làm thật có. Nhưng vì tựa pháp tướng từ duyên sinh nên như huyễn có; vì pháp chấp này so đo hư vọng nên quyết định chẳng phải có, vì vậy Thế Tôn nói: “Tù Thị nên biết các thức sở duyên duy thức sở hiện, y tha khởi tính như huyễn sự v.v...”. Như thế ngoại đạo và các thừa khác chấp là thức ngã pháp chẳng phải thật có, cho nên tâm và tâm sở quyết định chẳng dùng pháp ngoại sắc v.v... làm sở duyên duyên, vì duyên vào dụng ắt phải nương nơi cái thể thật có.

Giải thích: Nếu chấp duy thức thật có như chấp ngoại cảnh thì cũng là pháp chấp, do lý này nên chỉ nên trừ dẹp cảnh ngoài tâm, không thật có như sừng thỏ; tâm năng duyên có như việc huyễn nên có chút phần chẳng đồng, chẳng phải nói tâm cũng là thật có.

Lại việc chấp ngã chấp pháp ngoài tâm có hai loại:

1- Như ngoại đạo v.v... chấp là tâm riêng có một vật là thường, là nhất gọi là ngã, đây là vọng kế sở chấp, thể nó là không.

2- Là pháp bản chất sơ sở duyên duyên, tâm năng duyên trực tiếp duyên chỗ bắt trước cũng gọi là ngoài tâm, đây là y tha, thể nó là có.

Hỏi: Thức thứ sáu và thức thứ bảy chấp sinh ngã kiến hay khởi chấp trước, ở bên trong và bên ngoài tâm làm sao có không ?

Đáp: Luận nói: “Như vậy tất cả ngã chấp được nói đến đều là vẫn ngoài tự tâm hoặc có hoặc không”.

Giải thích: Tâm năng duyên duyên nơi không chấp trước gọi là ngoài tâm. Thức thứ bảy chấp ngã chỉ có ngoài tâm, thức thứ sáu chấp ngã làm vẫn ngoài tâm hoặc là ở nơi không. Luận nói: “Uẩn trong tự tâm tất cả đều có, là thân sở duyên”. Chẳng hỏi tức ly chấp là ngã, ảnh tượng ắt có nên không có chút pháp hay nắm lấy chút pháp, chỉ có tự tâm giữ lấy tự tâm cho nên đều duyên vẫn, đây là nói về chỗ nương của ngã. Luận nói: “Thế nên ngã chấp đều duyên vô thường”. Tướng của năm thủ vẫn vọng chấp là ngã, kết hợp thành ý nghĩa ở trước, vì tướng phản ảnh tướng hẵn là vẫn nên duyên vẫn này làm ngã, ý hiển bày Đại thừa trực tiếp duyên nơi không nên tâm chẳng sinh. Vì trở thành sở duyên duyên nên hẵn là có pháp. Luận nói: “Vì các vẫn tướng từ duyên sinh nên có như huyễn lại mê lầm chấp càn là ngã nên nhất định chẳng phải có”.

Lại nữa, các ngoại đạo phần nhiều đối với tâm vương chấp là chủ thể, tác giả, thị giả, do vì họ chẳng biết nó vốn không tự tính, tùy duyên lưu chuyển.

*Kinh Đại Bảo Tích* ghi: “Phật bảo: Này Ca-diếp, như mắc nghẹn có thể làm tử vong; cũng thế, trong tất cả kiến chỉ có ngã kiến thì có thể đoạn mạng trí tuệ một cách nhanh chóng”. Vì thế biết pháp ngã kiến trái cảnh hiện lượng, chương trí pháp không; kiến chấp nhân ngã là cội gốc sinh tử, đoạn mạng trí tuệ, nếu chẳng nhập Tông Cảnh thì khó tránh hai tai họa này.

Hỏi: Ngã pháp lấy gì làm nghĩa ?

Đáp: Ngã là hai nghĩa chủ và tể. Chủ có năng lực tự tại; tể có năng lực cắt đứt, nghĩa đồng như chủ. Chủ là ngã thể, tể là ngã sở hoặc là ngã dụng.

Pháp là nghĩa quỹ trì. Quỹ là quỹ phạm (phép tắc) sinh ra sự hiểu biết; trì là giữ gìn chẳng bỏ tự tướng.

Hỏi: Ngã là nghĩa chủ tể, hai nghĩa chủ và tể thuộc thức nào? Phải biết căn nguyên của bệnh có ngã mới ban cho diệu dược vô ngã?

Đáp: Chủ là câu sinh ngã, vì vô phân biệt nên thuộc ngã thức thứ bảy; tể là phân biệt ngã, vì có cắt đứt nên thuộc về thức thứ sáu.

Hỏi: Hễ có tạo tác không có lỗi, ngã là chủ tể, tại sao nói tất cả chỉ là thức?

Đáp: Ngoại đạo Ấn Độ phần nhiều chấp thân có thần ngã nên có thể sai khiến thân hành động; nếu không có thần ngã thì cái gì sai khiến thân? Bồ-tát Long Thọ bác: Tâm là thức tướng tự có thể sai khiến thân, chẳng đợi thần ngã, như tính lửa hay đốt cháy vật, chẳng phải đợi người giúp.

*Kinh Mật Nghiêm* ghi: “Thức a-lại-da luôn làm chỗ nương cho tất cả pháp nhiễm tịnh, là cảnh mà các Thánh nhân hiện pháp lạc, trụ tam-muội, trời người hướng về cõi Phật đều lấy đây làm nhân, thường lấy các thừa để làm chủng tính. Nếu có thể liễu ngộ thức này liền thành Phật đạo. Tất cả chúng sinh có đủ công đức uy lực tự tại cho đến bị sinh nơi hiểm nạn, thức a-lại-da luôn có mặt nơi ấy để làm chỗ nương tựa. Đây là các nghiệp tập khí của chúng sinh từ vô thỉ hay tự tăng trưởng và cũng hay tăng trưởng bảy thức còn lại, do đây phàm phu chấp làm nội ngã sở tác năng tác. Nay nhân giả, ý ở trong thân như gió chuyển động nhanh chóng, gió nghiệp thổi khắp các căn, bảy thức đồng thời như sóng dậy khởi, ngoại đạo chấp thắng tính, vi trần, tự tại v.v... đều là thức a-lại-da thanh tịnh. Nay nhân giả, thức a-lại-da do nghiệp lực và ái dục đời trước làm nhân thành tựu bao nhiêu phẩm loại thế gian, người mê muội chấp làm tác giả”.

*Kinh Lăng Già* nói: “Quán các chúng sinh như tử thi vô tri, do vọng tưởng nên thấy có qua lại. Nếu lìa vọng tưởng thì như tử thi kia không có qui nhập vào, nên biết con người cũng như thế, chỉ có bốn đại không có người nhập vào”.

*Luận Đại Trí Độ* hỏi:

- Có hơi thở ra vào là ngã tướng; nhìn thấy tâm thọ mạng, khổ vui, yêu ghét, tinh cần v.v... là ngã tướng. Nếu không có ngã thì ai có hơi thở ra vào, nhìn thấy tâm thọ mạng, khổ vui, yêu ghét, tinh cần v.v... cần phải biết có ngã phát động bên trong nên tâm thọ mạng cũng là pháp ngã. Nếu không có ngã như trâu không người chế ngự; có ngã nên có thể chế phục tâm vào pháp chẳng bị phóng dật. Nếu không có ngã thì cái gì chế ngự tâm. Người thọ lãnh khổ vui là ngã; nếu không có ngã thì như gỗ đá chẳng thể phân biệt khổ vui, yêu ghét, tinh cần cũng như thế. Ngã tuy vi tế, chẳng thể dùng tình thức biết được, nhưng vì là tướng nên có thể biết là có.

Đáp:

- Các tướng ấy đều là thức tướng, có thức thì có hơi thở ra vào, nhìn thấy thọ mạng v.v... Nếu thức lìa thân thì không. Nếu ông cho rằng cái ngã thường khắp thì người chết cũng phải có nhìn thấy hơi thở ra vào, thọ mạng v.v...

Lại nữa, hơi thở ra vào là sắc pháp theo gió tâm phát động, đây là thức tướng, chẳng phải ngã tướng; thọ mạng là tâm tương ưng hành, cũng là thức tướng.

Hỏi:

- Nếu nhập vô tâm định, hoặc lúc ngủ không chiêm bao, hơi thở cũng ra vào, có thọ mạng, vì sao đều gọi là thức tướng ?

Đáp:

- Trong vô tâm định v.v... thức tuy tạm thời không có nhưng không lâu sẽ sinh trở lại, vì thức chẳng bỏ thân, cho nên lúc có thức thì nhiều, lúc không thức thì ít, vì thế gọi là thức tướng, như người xuất hành không được nói nhà kia không có chủ. Khổ vui, yêu ghét, tinh cần v.v... là tương ứng với tâm, cùng duyên theo tâm vận hành,

tâm có liền có, tâm không liền không, vì thế thức tướng chẳng phải ngã tướng.

Lại nói: Bốn đại và tạo sắc trong hư không nên gọi là thân, là do nhân duyên nội ngoại hòa hợp sinh thức chủng. Thân được thức chủng này hòa hợp làm thành các động tác như nói năng, đứng, ngồi, đến, đi; trong sáu thứ hòa hợp tạm gọi là nam, là nữ. Nếu sáu thứ hòa hợp là nam thì lẽ ra có sáu người nam, chẳng thể lấy một làm sáu, sáu làm một. Trong địa chủng không có tướng nam nữ, cho đến thức chủng cũng không có tướng nam nữ. Nếu trong mỗi thứ là không thì trong hòa hợp cũng không. Như sáu con chó mỗi con không thể sinh sư tử, dù có hòa hợp lại cũng không thể sinh, vì vô tính.

Hỏi: Kinh nói tất cả ngã kiến đều duyên năm thủ uẩn khởi, nếu không có thật ngã tại sao có các việc nhớ, biết, tụng, tập, ân, oán v.v... Nếu thật sự không có ngã thì những việc nhớ, biết v.v... chẳng thành, cái gì là chủ thể ?

Đáp: Pháp năm uẩn nói theo chúng sinh giới, tình chấp có hạn lượng, trí suy xét năm uẩn đều không. Kinh nói: “Thân này như đám bọt chẳng thể sờ nắm, là sắc uẩn không; thân này như bọt nước chẳng tồn tại lâu, là thọ uẩn không; thân này như sóng nắng sinh ra từ khát ái, là tưởng uẩn không; thân này như lõi cây chuối không bền chắc, là hành uẩn không; thân này như huyền từ điên đảo khởi, là thức uẩn không. Năm uẩn đã không cái gì là chủ thể ? Những sự phân biệt là do vọng thức phan duyên; nói năng đến đi chỉ là do sức gió chuyển, là ngoài tình chấp khoảng giữa chỉ có tính không, cho nên biết ngã chỉ có danh, danh cũng vô tính; danh thể đều không, ngã pháp làm sao có duy thức ?”

Luận nói: “Lại các sở chấp thật có, ngã thể là có tác dụng hay không có tác dụng ? Nếu có tác dụng như tay chân thì phải là vô thường. Nếu không có tác dụng như sừng thỏ v.v... thì lẽ ra chẳng phải thật ngã, cho nên hai thứ chấp ngã đều chẳng thành”.

Lại các việc nhớ, biết v.v... đều từ sức huân tập của bản thức mà được thành tựu; cho đến cái thật ngã được chấp đã thường còn không biến đổi thì sau phải như trước, việc này chẳng phải có; trước phải như sau, việc này chẳng phải không, vì sau và trước thể không sai khác. Nếu cho rằng ngã dụng trước sau biến đổi chẳng phải ngã thể, lý này cũng chẳng đúng. Dụng chẳng là thể, vì lẽ ra thường có; thể chẳng là dụng, vì lẽ ra chẳng phải thường. Nhưng các hữu tình đều có bản thức, một loại tương tục giữ gìn chủng tử, cùng tất cả pháp làm nhân lẫn nhau, bởi sức huân tập nên có những việc nhớ, biết v.v... Cho nên *kinh Bảo Tích* có kệ:

*Pháp đồng cây cỏ không giác tri  
Nếu là bỏ tâm không thật có  
Tự tính chúng sinh vô sở hữu  
Tất cả các pháp cũng như thế.*

Âm, nhập, giới hiện tại là niệm niệm chẳng dừng, vì sao ? Vì pháp thế gian không có một niệm dừng. Nếu có một niệm thì trong một niệm này trụ cũng có sinh trụ diệt; sinh trụ diệt này cũng lại chẳng trụ. Trong sinh trụ diệt có âm giới nhập trong ngoài; âm giới nhập trong ngoài này cũng có sinh trụ diệt. Nếu chẳng trụ như thế tức là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở.

Phật dạy: “Từ xưa đến nay không ngã, không nhân, không có trượng phu, chỉ là nội tâm thấy có ngã nhân. Lúc nội tâm khởi người khác hại mình gọi là hại, cho đến trong đây không có một pháp hòa hợp tụ tập quyết định thành tựu được gọi là Phật, là Pháp, là Tăng, là cha, là mẹ, là a-la-hán quyết định có thể chấp thủ”.

Lại có bài tụng:

*Cúi ngửa, co duỗi, đứng, đến đi  
Trong ngôn ngữ ngược nhìn không thật  
Gió nương thức nên có tạo tác  
Thức này diệt tướng niệm niệm không.  
Nam nữ mọi nơi có ngã tâm  
Không trí tuệ nên vọng thấy có*

*Da thịt phủ che bộ xương cốt  
Cơ quan hoạt động như người gỗ  
Trong tuy không thật, ngoài như người.  
Ví như vàng nóng ném vào nước  
Cũng như lửa hoang thiêu rừng trúc  
Nhân duyên hòa hợp âm thanh khởi.*

*Kinh Hoa Nghiêm có bài tụng:*

*Tất cả nghiệp quả của Bồ-tát  
Đều là vô tận trí ẩn chứng  
Như vậy vô tận tự tính hết  
Thế nên vô tận phương tiện diệt  
Bồ-tát quán tâm chẳng ở ngoài  
Cũng lại chẳng phải ở bên trong  
Biết rõ tâm tính vô sở hữu  
Ngã pháp đều là mãi tịch diệt  
Các Phật tử kia biết như thế  
Tất cả pháp tính thường không tịch.  
Không có một pháp hay tạo tác  
Đồng như chư Phật ngộ vô ngã.*

*Kinh Đại Tập ghi: “Nếu lại có người nói vì nhãn sắc nhân duyên nên có ngã, nghĩa này chẳng đúng, vì sao ? Trong nhãn không có ngã, sắc cũng như thế và trong hòa hợp cũng lại không có ngã, nhân duyên hòa hợp sinh ra nhãn thức, như vậy trong thức đại cũng lại không có ngã. Trong phong đại, không đại đều không có ngã, như thế xét tìm trọn không có thật. Thức này chỉ là mười hai nhân duyên vẫn hoàn lưu chuyển, là mười hai nhân duyên không thể thấy thức. Chỉ do thức sinh danh sắc, cho đến có suy lão và bệnh tử. Những pháp ấy nhân nhãn thức sinh, nhưng nhãn thức này chẳng phải từ hướng đông đến, các hướng nam, tây, bắc, bốn góc, trên, dưới cũng lại như thế. Niệm làm nhân sinh ra căn thức, niệm này cũng diệt, nhãn thức chẳng trụ. Trong niệm thứ hai cũng chẳng nói niệm, ông trụ ta diệt mà pháp diệt này cũng chẳng phải*

đến mười phương, cũng chẳng chuyên trụ ở một chỗ. Thế nên các pháp do nhân duyên nên sinh; nếu là nhân duyên thì chẳng được sinh. Do nhân duyên mà sinh, do nhân duyên mà diệt. Như vậy nhân duyên gọi là pháp tương tục, vì thế nên biết thật không có ngã mà là nhân duyên, cũng không tác giả, không thọ giả, không tự khởi giả, không tha không giả, vì vậy vô ngã.

Nếu vô ngã thì ngã đã là không, ngã sở cũng không, vì sao ? Vì thể tính như thế. Vì vậy nhân tính không ngã và ngã sở, không có tích tụ, chẳng phải họp, chẳng phải tan, vì là sinh diệt; tất cả các pháp cũng lại như thế. Gió nhân duyên này cũng vào trong căn xoay trái chuyển phải thanh tịnh chiếu soi. Gió ấy như huyễn cũng không thể nắm bắt. Tuy dường như có hai việc năng tác sở tác làm thành nhau nhưng chỉ từ duyên sinh không có tự tính, người chẳng biết duy thức đều chấp là thật ngã. Như *kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Phật dạy: Này tỳ-kheo, ví như hai tay vỗ nhau phát ra âm thanh, ngã cũng như thế”.

-----